

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2021
trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 94/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh về ban hành thiết kế mẫu mặt đường bê tông xi măng để thực hiện Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh,

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 49/TTr-SGTVT ngày 20/4/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2021 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

1. Bê tông hoá giao thông nông thôn

TT	Địa phương	Chiều dài loại đường (Km)				Chiều dài (Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		Loại A	Loại B	Loại C	Loại D			
1	An Lão	-	17,211	2,300	3,780	23,291	3.519,070	Chi tiết theo các Phụ lục từ I.1 - X.1 kèm theo.
2	An Nhơn	3,336	31,372	6,037	3,317	44,062	7.029,760	
3	Hoài Ân	0,214	9,911	2,289	3,017	15,431	2.255,270	
4	Hoài Nhơn	1,186	16,200	25,292	19,434	62,112	7.546,100	
5	Phù Cát	0,578	13,555	21,544	12,804	48,481	5.953,710	
6	Phù Mỹ	1,047	33,578	26,114	3,515	64,254	9.127,490	
7	Tây Sơn	2,856	18,014	11,387	2,216	34,473	5.142,710	
8	Tuy Phước	2,674	2,988	9,869	6,803	22,334	2.794,100	
9	Vân Canh	0,790	9,330	-	0,300	10,420	1.786,900	
10	Vĩnh Thạnh	-	8,053	-	-	8,053	1.369,010	
Tổng cộng		12,681	160,212	104,832	55,186	332,911	46.524,120	

Lưu ý: đối với các tuyến đường GTNT đường xã, trục chính xã đăng ký danh mục đầu tư xây dựng với quy mô đường GTNT loại A và các tuyến đường GTNT từ trung tâm xã đến các làng, thôn ở các xã có đồng bào dân tộc thiểu số, địa hình bị chia cắt, phức tạp thuộc các huyện miền núi của tỉnh được xem xét hỗ trợ thêm kinh phí (*ngoài phần xi măng tỉnh hỗ trợ*) phải đảm bảo theo các tiêu chí của Chương trình bê tông hóa GTNT, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 94/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 và các danh mục tuyến đường này phải được đoàn liên ngành của tỉnh kiểm tra, xác nhận và tổng hợp báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định theo đúng quy định.

2. Hỗ trợ xi măng để sửa chữa, mở rộng các tuyến đường GTNT bị hư hỏng

TT	Địa phương	Đường huyện	Đường xã	Loại A	Loại B	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
1	An Lão	-	2,307	9,050	3,986	3.591,420	Chi tiết theo các Phụ lục từ I.2 - IX.2 kèm theo
2	An Nhơn	-	23,110	-	0,150	5.999,780	
3	Hoài Ân	1,500	6,350	7,021	13,925	7.111,870	
4	Hoài Nhơn	-	41,519	-	-	9.339,510	
5	Phù Cát	-	15,560	3,210	16,130	8.543,550	
6	Phù Mỹ	-	39,850	0,320	1,300	10.167,425	
7	Tây Sơn	-	0,068	0,480	6,870	1.300,700	
8	Tuy Phước	-	4,024	-	-	1.609,600	
9	Vân Canh	-	1,920	-	0,300	707,200	
Tổng cộng		1,500	134,708	20,081	42,661	48.371,055	

Điều 2. Giao UBND các huyện, thị xã bố trí kế hoạch vốn theo cơ cấu nguồn vốn được UBND tỉnh thông qua; chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn (*Chủ đầu tư đối với các công trình tại địa phương*) tổ chức thực hiện theo đúng quy định trong công tác đầu tư xây dựng về huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân để triển khai xây dựng Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2021 ở địa phương đảm bảo theo kế hoạch phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Giao Sở Giao thông vận tải:

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã kiểm tra, soát xét kỹ danh mục các tuyến đường xã, trục chính xã đủ điều kiện hỗ trợ theo Quyết định số Quyết định số 94/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh; báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Chủ trì, phối hợp các ngành hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của các địa phương theo quy định hiện hành; báo cáo định kỳ hàng Quý cho UBND tỉnh để chỉ đạo thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19.(M.30b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng